TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 829/2023/HC-PT
Ngày: 21 - 11 - 2023
V/v *khiếu kiện quyết định hành chính về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Ông Trần Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 649/2023/TLPT-HC ngày 12 tháng 9 năm 2023 về "khiếu kiện quyết định hành chính về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ". Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12865/2023/QĐPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện*:** Anh Lò Văn A, sinh năm 1991; địa chỉ: Bản Y, xã X, thành phố H, tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Lò Văn A: Ông Đỗ Văn LS, Luật sư, Văn phòng luật sư LS, Đoàn luật sư tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố H;

Người đại diện: Ông Đỗ Văn T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H. Vắng mặt (văn bản số 3265/UBND ngày 15/11/2023 đề nghị xét xử vắng mặt).

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

3.1. Bà Cà Thị C, sinh năm 1949;

3.2. Ông Lò A2, sinh năm 1941;

3.3. Anh Lò Văn A2, sinh năm 1993.

Đều trú tại địa chỉ: Bản Y, xã X, thành phố H, tỉnh H. Ông Ân có mặt; bà Hao, anh Lập vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Ân, bà Hao, anh Lập là anh Lò Văn A; địa chỉ: Bản Y, xã X, thành phố H, tỉnh H, có mặt. (Theo Văn bản uỷ quyền ngày 19/3/2023).

4. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố H.

Địc chỉ: Trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 13/3/2023 và trình bày của người khởi kiện anh Lò Văn A tại Toà án cấp sơ thẩm có nội dung:

Ngày 28/7/1999, hộ ông Lò Văn B được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã H (nay là UBND thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0689354 mang tên hộ ông Lò Văn B, theo Quyết định cấp số 215/QĐ-UB ngày 28/7/1999 của UBND thị xã H. Tổng diện tích gia đình ông B được cấp là 4.000m^2, trong đó có 400m^2 đất thổ cư và 3.600m^2 đất nương.

Tại Bản án số 27/DSST ngày 31/01/2000 của Toà án nhân dân thị xã H (nay là Toà án nhân dân thành phố H) đã giải quyết ly hôn giữa ông Lò Văn B và bà Cà Thị B1; về con chung, giao anh Lò Văn A cho ông B, giao anh Lò Văn A2 cho bà B1nuôi dưỡng; về tài sản, giao diện tích đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0689354 mang tên hộ ông Lò Văn B cho ông B được trực tiếp quản lý, sử dụng.

Năm 2002 ông B chết, các thành viên trong gia đình gồm ông Lò A2, bà Cà Thị C (bố mẹ đẻ của ông B), anh Lò Văn A tiếp tục quản lý, sử dụng, canh tác trên diện tích đất của ông Lò Văn B. Ngày 19/3/2023, những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Lò Văn B gồm ông Lò A2, bà Cà Thị C, anh Lò Văn A, anh Lò Văn A2 đã lập văn bản uỷ quyền cho anh Lò Văn A được quyền sử dụng toàn bộ di sản của ông Lò Văn B và tham gia giải quyết vụ án.

Ngày 20/9/2022, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2118/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.553,4m^2 đất của 03 hộ gia đình, cá nhân tại bản Y, bản Sàng thuộc xã X để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Quảng trường – Trung tâm xã X, thành phố H đợt 15 (sau đây viết tắt là Dự án) trong đó có thu hồi toàn bộ diện tích đất mang tên Lò Văn B.

Ngày 20/9/2022, UBND (sau đây viết tắt là UBND) thành phố H ban hành Quyết định số 2119/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với 03 hộ gia đình, cá nhân tại bản Y, bản Sàng thuộc xã X để thực hiện Dự án, trong đó có phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ anh Lò Văn A (người trực tiếp kê khai và hiện đang quản lý, sử dụng đất) thì hộ gia đình diện tích 400m^2 đất thổ cư của hộ gia đình được bồi thường với giá 700.000đồng/1m^2= 280.000.000 đồng.

Anh Lò Văn A cho rằng việc áp giá bồi thường không đúng với vị trí đất ở của hộ gia đình, cụ thể: theo điểm 36 Bảng 5.1 ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh H; điểm 1.13 Biểu 01.2 điều chỉnh giá đất tại một số vị trí tuyến đường thuộc bảng 5.1 thành phố H theo Quyết định số 01/2022/QĐ-UB ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh H, vị trí đất của gia đình anh thuộc vị trí lô 4, giá bồi thường 1.500.000đồng/1m^2.

Anh Lò Văn A đã làm đơn khiếu nại lần đầu đến Chủ tịch UBND thành phố H. Ngày 21/02/2023, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 260/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, không chấp nhận khiếu nại của anh A và giữ nguyên phương án bồi thường theo Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 20/9/2022.

Do vậy, người khởi kiện yêu cầu Toà án: Huỷ một phần Quyết định hành chính số 2119/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND thành phố H liên quan đến việc bồi thường 400m^2 đất thổ cư (700.000đồng/1m^2, tương ứng 280.000.000 đồng); Yêu cầu bồi thường 400m^2 đất thổ cư với giá 1.500.000đồng/1m^2, tương ứng 600.000.000 đồng.

** UBND thành phố H cung cấp tài liệu hồ sơ và chứng cứ, cho rằng đã đã xác định đúng vị trí đất để áp giá bồi thường.*

Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND thành phố H phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình anh A các khoản gồm: Bồi thường về đất, các khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm, cây cối, hoa màu, thưởng giao mặt bằng đúng tiến độ, với tổng số tiền nhận bồi thường là 387.526.950 đồng. Trong đó, 400m^2 đất thổ cư ở vị trí lô 1, tiếp giáp với đường nhánh có chiều rộng dưới 2,5m được bồi thường 700.000 đồng/m^2, số tiền 280.000.000 đồng.

Mặt khác, phần diện tích 400m^2 đất ở của gia đình anh Lò Văn A đang khởi kiện được UBND thị xã H *(nay là UBND thành phố H)* cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri: O689354, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00300 QSDĐ, Quyết định số 215/QĐ-UB ngày 28/7/1999 của UBND thị xã H mang tên ông Lò Văn B *(bố đẻ anh Lò Văn A)*. Tổng diện tích ông Lò Văn B được cấp là 4.000m^2 *(gồm 3.600m^2 đất màu/nương và 400m^2* đất ở). Ông Lò Văn B đã chết, khi chết ông Lò Văn B không để lại di chúc về việc phân chia tài sản. Theo quy định tại Điều 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, khi ông Lò Văn B chết, không để lại di chúc, thửa đất sẽ được chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Vợ, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của ông Lò Văn B. Anh Lò Văn A chỉ là một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lò Văn B, không có toàn quyền đối với mảnh đất ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ danh mục các tài liệu, chứng cứ anh A nộp kèm theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh xác định, anh A chưa cung cấp được văn bản để chứng minh mình là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với phần diện tích mà anh A đang khởi kiện.

** Thành viên hộ gia đình và người thừa kế của ông B là* ông Ân, bà Hao,

anh Lập uỷ quyền cho anh A và nhất trí với yêu cầu của anh A. Đề nghị UBND thành phố H căn cứ vị trí lô đất thứ 4 tính từ đường G, thực hiện bồi thường cho gia đình số tiền 1.500.000 đồng/m^2.

** Chủ tịch UBND thành phố H trình bày:*

Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của anh Lò Văn A (lần đầu) được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Khiếu nại.

Nội dung khiếu nại của anh A là không có căn cứ, theo quy định tại khoản 2 Điều 2 về bảng giá đất trên địa bàn tỉnh H giai đoạn 2020 - 2024 theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh H: Thửa đất tiếp giáp với tuyến đường nào thì giá đất được xác định theo tuyến đường đó. Diện tích 400m^2 đất thổ cư của hộ gia đình tiếp giáp với các tuyến đường mòn, có chiều rộng dưới 2,5m nên chỉ có cơ sở bồi thường số tiền 700.000 đồng/1m^2; do đó không có cơ sở chấp nhận đơn khiếu nại lần đầu của anh Lò Văn A, đề nghị Toà án xem xét, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu do Chủ tịch UBND thành phố H ban hành đối với anh Lò Văn A.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 26/7/2023, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ Điều 69, Điều 79, Điều 80, Điều 83, Điều 84 của Luật Đất đai 2013; Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 của Luật Khiếu nại 2011; Điều 28, Điều 29 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015; Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh H về phê duyệt giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án trên địa bàn thành phố H; Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh H ban hành quy định bảng giá đất trên địa bàn tỉnh H giai đoạn 2020 – 2024;

Căn cứ Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính 2015; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lò Văn A.

2. Về án phí:

- Anh Lò Văn A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001964 ngày 21/3/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

- Anh Lò Văn A phải chịu 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ.

Bản án còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 4/8/2023, người khởi kiện là anh Lò Văn A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Lò Văn A giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện. Anh A cung cấp thêm "Giấy xác nhận" đề ngày 12/9/2023 (có chữ kí của một số người dân ở bản Y), nội dung xác nhận thửa đất ở bị thu hồi của ông B không tiếp giáp với con đường nào nhỏ hơn 2,5m mà chỉ có lối mòn duy nhất rộng 0.4m. Anh A xác định với vị trí đất ở nêu trên, thì giá đất bồi thường là 1.500.000đ/m^2 chứ không phải 700.000 đồng như UBND đã phê duyệt;

Ông Lò A2 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng đúng quy định của pháp luật, buộc UBND thành phố áp đúng giá đất để bồi thường cho gia đình;

Luật sư Đỗ Văn LS trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Căn cứ các bản đồ, trích đo địa chính về vị trí thửa đất ở của gia đình và đối chiếu với quy định của UBND tỉnh về vị trí đất để xác định giá đất bồi thường thì giá bồi thường như UBND thành phố áp là quá thấp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Quyết định số 43/QĐ-UBND quy định giá đất của UBND tỉnh là là văn bản pháp quy; sau có Quyết định số 01/QĐ-UBND sửa đổi Quyết định 43/QĐ-UBND cũng là văn bản pháp quy. UBND tỉnh H ban hành văn bản cá biệt Quyết định 255/QĐ-UBND không căn cứ vào Quyết định số 43/QĐ-UBND và Quyết định số 01/QĐ-UBND là không đúng, có sự nhầm lẫn trong áp dụng pháp luật. Ủy ban tỉnh H vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, do đó không làm rõ được vị trí đất của anh A, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh H giải quyết sơ thẩm lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện của anh Lò Văn A đúng quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Bản án sơ thẩm đã có đánh giá về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của Uỷ ban nhân dân thành phố H và Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của Chủ tịch Uỷ ban nhân

dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của anh Lò Văn A (lần đầu), đã bảo đảm đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện về việc áp giá đất bồi thường:

[2.1] Theo Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh H "V*ề phê duyệt giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện một số dự án trên địa bàn thành phố H",* tại mục 2 Điều 1 giá đất cụ thể đối với *Dự án tuyến đường từ Quảng trường đến Trung tâm xã X, thành phố H*: 2.2. Địa phận xã X: a. Giá đất ở tại nông thôn tại vị trí 1 đất ở các đường nhánh còn lại trong xã nhỏ hơn 2,5m (đường đất): 700.000 đồng/m^2 (bút lục 169).

UBND thành phố H căn cứ giá đất cụ thể tại Quyết định nêu trên để ban hành Quyết định 2119/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình, là đúng quy định tại điểm đ, khoản 4 Điều 114 Luật đất đai.

[2.2] Người khởi kiện yêu cầu xác định vị trí đất ở để áp giá bồi thường theo các Quyết định của UBND tỉnh H:

- Về hồ sơ địa chính liên quan đến thửa đất của hộ gia đình trước và sau khi thu hồi, thể hiện:

Theo Bản đồ tổng thể giao đất tại bản Y, xã X năm 1999 (tờ bản đồ số 5-B8, tỷ lệ bản đồ là 1/2000) khai thác tại UBND xã X, thửa đất ông Lò Văn B được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận năm 1999 có một cạnh phía Bắc tiếp giáp một con đường. Xác minh Ban quản lý bản qua các thời kỳ, hộ sử dụng đất liền kề từ trước năm 1999 đã có con đường đất đi từ bản Lụa lên khu vực phòng thủ sư đoàn 371 và đi lên đất sản xuất của bản Lụa và bản Y (đường kéo pháo và ô tô đi được). Con đường đi giáp với thửa đất của các gia đình.

Đo đạc địa chính để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999, đường đi lên khu vực phòng thủ và đất sản xuất của người dân cũng được thể hiện tại bản đồ tổng thể giao đất thuộc lô số 5, tờ bản đồ số 8-B8; theo đó tại cạnh thửa đất hướng Bắc, độ dài 48m nằm trong GCNQSDĐ của ông B lẽ ra phải thể hiện một con đường, nhưng do sai sót khi trích lục hình thể thửa đất nên không thể hiện con đường đi trong GCNQSDĐ của ông B. Trên thực tế, con đường có điểm xuất phát từ bản Lụa đi sang, do quãng đường xa và phải đi vòng nên không có hộ dân nào sử dụng; gia đình ông Ân, bà Hao, anh A đều thừa nhận chưa bao giờ sử dụng con đường này để đi lên nương của gia đình;

Các tài liệu trên đã thể hiện đất của gia đình anh A không tiếp giáp trực tiếp với đường G, từ con đường này phải đi qua đất của các hộ ông Cà Văn Tiến, Lò Văn Nói hoặc hộ ông Lò Văn Muôn thì mới lên được đến vị trí đất của gia đình anh A, nên không thể xác định đất của gia đình anh A thuộc vị trí lô 4 của đường G. Các thành viên trong gia đình anh A cũng đều thừa nhận từ trước đến nay, chưa bao giờ sử dụng con đường đất đi từ bản Lụa lên khu vực phòng thủ sư đoàn 371 và đi lên đất sản xuất của bản Y, mà chỉ sử dụng con đường đất tự mở có ký hiệu Đ1, chiều rộng 0,5m đi nhờ qua đất nương của hộ ông Tiến, ông Nói để lên đến

phần đất của gia đình mình, phần đất của gia đình anh A cũng chỉ tiếp giáp với con đường mòn tự mở này và không tiếp giáp với con đường nào khác.

- Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Toà án cấp sơ thẩm cũng thể hiện không có con đường kéo pháo như quy hoạch trong Bản đồ tổng thể giao đất năm 1999 ở trên thực địa. Để thuận tiện cho việc đi vào sử dụng đất, gia đình ông B (sau là anh A) trao đổi bằng thoả thuận miệng, để đi nhờ qua đất của hai gia đình ông Cà Văn Tiến và ông Lò Văn Nói, tự mở con đường đất, đi từ đường G qua đất của ông Tiến, ông Nói đến địa phận đất của gia đình anh A; các hộ dân có đất lân cận cũng đều sử dụng con đường mòn này để lên vị trí đất của gia đình mình.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/6/2023 tại bản Y, xã X, thành phố H, tỉnh H về đất thổ cư của gia đình hiện không còn hiện trạng, ranh giới như ban đầu; toàn bộ đất đã bị thu hồi, thực hiện giải phóng mặt bằng để phục vụ cho Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Quảng trường đến trung tâm xã X. Vị trí đất của gia đình anh A thuộc vị trí lô 1, tiếp giáp với 02 con đường dân tự mở (ký hiệu Đ1 và Đ2 – có Trích đo sơ đồ kèm theo) nối từ đường G, đi qua địa phận đất của các gia đình khác lên đến vị trí 400m^2 đất thổ cư của gia đình anh A; cả hai con đường đều là đường đất, đi nhiều thành lối mòn, đều có chiều rộng 0,5m.

Quy định tại khoản 2 Điều 2 về Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh H giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh H: Thửa đất tiếp giáp với tuyến đường nào (hưởng lợi từ tuyến đường nào) thì giá đất được xác định theo tuyến đường đó. Trường hợp thửa đất tiếp giáp với nhiều tuyến đường thì giá đất được xác định theo giá của tuyến đường có giá đất cao nhất. Vị trí 400m^2 đất thổ cư của gia đình anh A ở vị trí lô 1, tiếp giáp với 02 con đường mòn tự mở có ký hiệu Đ1 và Đ2, đều có chiều rộng dưới 2,5m.

Như vậy, về vị trí thì giá đất tại Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh H được áp dụng đối với hộ gia đình người khởi kiện là phù hợp với các quy định phân loại đường nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện (huỷ phần Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư; hủy Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố H *về việc giải quyết khiếu nại của anh Lò Văn A)*, là có căn cứ.

[3] Anh Lò Văn A kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Lò Văn A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Anh Lò Văn A phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai số 0001974 ngày 18/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H được đối trừ đi số tiền án phí phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương